

Mẫu số 01-B

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN NẬM MU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
NAM MU HYDROPOWER JOINT - STOCK COMPANY

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2023BCTC/2023

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2023**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP thủy điện Nậm Mu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

- Mã chứng khoán: HJS
- Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0219.3827.276 Fax: 0219.3827.276
- Email: [TCHTnammu@gmail.com](mailto:TCHTnammu@gmail.com) Website: [thuydiennammu.com.vn](http://thuydiennammu.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30 / 01 /2024 tại đường dẫn: [thuydiennammu.com.vn](http://thuydiennammu.com.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

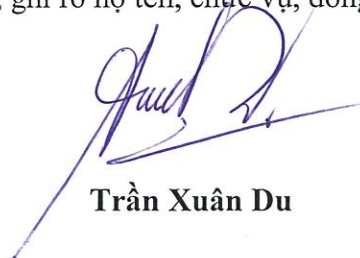
**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC quý 3/2023
- Văn bản giải trình CLLN so với cùng kỳ năm trước.

**Đại diện Công ty CP thủy điện Nậm Mu**

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Trần Xuân Du**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**

CÔNG TY

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch
Ông Bùi Trọng Cẩn	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Kỳ	Thành viên
Bà Trần Thị Len	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Chung	Thành viên
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Thành viên

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Trọng Cẩn	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Trần Xuân Du.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**BÙI TRỌNG CÂN**

Giám đốc

Hà Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Số: 26/2024/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 08/03/2023.



Nguyễn Minh Long  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

A blue ink signature of Nguyễn Minh Thắng, written in a cursive style. A horizontal line is drawn below the signature.

Nguyễn Minh Thắng  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>99.523.746.449</b>	<b>64.849.379.012</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>82.499.312.150</b>	<b>46.775.659.281</b>
Tiền	111		18.499.312.150	9.775.659.281
Các khoản tương đương tiền	112		64.000.000.000	37.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.916.354.277</b>	<b>17.207.500.898</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	16.734.017.294	16.922.822.811
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		72.600.000	158.880.051
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	109.736.983	125.798.036
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.362.000</b>	<b>29.996.000</b>
Hàng tồn kho	141	11	29.362.000	29.996.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>78.718.022</b>	<b>836.222.833</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	78.718.022	836.222.833
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>250.722.511.011</b>	<b>275.700.381.185</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>216.625.806.009</b>	<b>238.881.444.178</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	216.625.806.009	238.881.444.178
- Nguyên giá	222		733.510.413.146	722.113.705.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(516.884.607.137)	(483.232.261.027)
Tài sản dở dang dài hạn	240	6	343.272.727	419.853.259
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		343.272.727	419.853.259
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7</b>	<b>30.600.000.000</b>	<b>30.600.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		30.600.000.000	30.600.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.153.432.275</b>	<b>5.799.083.748</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	3.153.432.275	5.799.083.748
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>350.246.257.460</b>	<b>340.549.760.197</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>38.240.389.541</b>	<b>26.742.915.202</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.240.389.541</b>	<b>26.742.915.202</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	12.067.680.954	4.954.318.767
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.855.319.998	12.214.352.987
Phải trả người lao động	314		6.417.971.567	4.868.809.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.040.127.941	407.407.408
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.552.458.147	2.433.810.179
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.306.830.934	1.864.216.294
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>312.005.867.919</b>	<b>313.806.844.995</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>312.005.867.919</b>	<b>313.806.844.995</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.999.000.000	209.999.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(468.780.000)	(468.780.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.315.289.385	44.315.289.385
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.127.679.868	59.928.656.944
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.975.553.300	3.011.861.391
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		53.152.126.568	56.916.795.553
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		32.678.666	32.678.666
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>350.246.257.460</b>	<b>340.549.760.197</b>

Hà Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

  
Trần Xuân Du

Kế toán trưởng

  
Trần Xuân Du

Giám đốc

  
  
Bùi Trọng Căn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	158.624.640.569	177.266.321.776
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		158.624.640.569	177.266.321.776
Giá vốn hàng bán	11	18	84.678.213.895	98.600.177.433
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.946.426.674	78.666.144.343
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.455.350.340	533.726.698
Chi phí tài chính	22	20	92.140.000	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.342.088.374	7.732.065.290
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.967.548.640	71.467.805.751
Thu nhập khác	31	22	7.578.157	10.165.604
Chi phí khác	32	23	320.498.178	252.987.131
Lợi nhuận khác	40		(312.920.021)	(242.821.527)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.654.628.619	71.224.984.224
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	13.502.502.051	14.308.188.671
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.152.126.568	56.916.795.553

Hà Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

  
Trần Xuân Du

Kế toán trưởng

  
Trần Xuân Du

Giám đốc



Bùi Trọng Cẩn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	66.654.628.619	71.224.984.224
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.652.346.110	38.049.619.276
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(1.455.350.340)	(488.273.423)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>98.851.624.389</b>	<b>108.786.330.077</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	291.146.621	740.934.056
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	634.000	14.250.000
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.797.031.684	(1.735.421.248)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.403.156.284	(5.631.993.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.297.330.456)	(13.051.787.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.110.729.004)	(3.883.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>95.935.533.518</b>	<b>85.239.112.016</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.320.127.409)	(1.637.245.077)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.455.350.340	488.273.423
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.864.777.069)</b>	<b>(1.148.971.654)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.347.103.580)	(46.150.119.825)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(50.347.103.580)</b>	<b>(46.150.119.825)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>35.723.652.869</b>	<b>37.940.020.537</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	46.775.659.281	8.835.638.744
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	82.499.312.150	46.775.659.281

Hà Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Trần Xuân Du

  
Trần Xuân Du

  
  
Bùi Trọng Cảnh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100174626, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 với số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 09 là ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2023 là 209.999.000.000 đồng chia thành 20.999.900 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 góp 107.100.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51%, các cổ đông khác góp 102.899.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 118 người (tại ngày 31/12/2022 là 119 người).

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện thương phẩm.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán buôn điện thương phẩm.

#### 1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, toà nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 75,9%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

#### **2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 1.4.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

#### **3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### *Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

#### 3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

#### 3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong năm

#### 3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

#### 3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí trích trước của các nhà máy thủy điện, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

#### 3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán điện thành phẩm

##### *Doanh thu bán điện thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác (nếu có).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

##### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	3.733.357	4.553.538
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.495.578.793	9.771.105.743
- Các khoản tương đương tiền	64.000.000.000	37.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.499.312.150</b>	<b>46.775.659.281</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>78.718.022</b>	<b>836.222.833</b>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	78.718.022	836.222.833
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.153.432.275</b>	<b>5.799.083.748</b>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.153.432.275	5.799.083.748
<b>Cộng</b>	<b>3.232.150.297</b>	<b>6.635.306.581</b>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>343.272.727</b>	<b>419.853.259</b>
- Công trình Đập phụ thủy điện Nậm An	-	170.045.094
- Công trình Nậm Mu mở rộng	343.272.727	-
- Công trình khác	-	249.808.165
<b>Cộng</b>	<b>343.272.727</b>	<b>419.853.259</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Số nhà 123 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư vào công ty con

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	30.600.000.000	-	(*) 30.600.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	30.600.000.000	-	(*) 30.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(*) 30.600.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, toà nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 75,9%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kê toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	16.734.017.294	-	16.922.822.811	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	16.734.017.294	-	16.922.822.811	-
<b>Cộng</b>	<b>16.734.017.294</b>	<b>-</b>	<b>16.922.822.811</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN NẠM MŨ**

Số nhà 123 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

**MÃ SỐ B09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	109.736.983	-	125.798.036	-
- Tạm ứng	46.208.125	-	54.491.391	-
- Phải thu khác	63.528.858	-	71.306.645	-
<b>Cộng</b>	<b>109.736.983</b>	<b>-</b>	<b>125.798.036</b>	<b>-</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	522.774.591.836	195.584.734.953	3.134.672.052	118.636.364	501.070.000	722.113.705.205
- Đầu tư XD CB hoàn thành	11.226.887.029	169.820.912	-	-	-	11.396.707.941
<b>31/12/2023</b>	<b>534.001.478.865</b>	<b>195.754.555.865</b>	<b>3.134.672.052</b>	<b>118.636.364</b>	<b>501.070.000</b>	<b>733.510.413.146</b>

**NGUYÊN GIÁ**

01/01/2023	(299.552.705.676)	(180.910.804.834)	(2.694.708.439)	(65.690.911)	(8.351.167)	(483.232.261.027)
- Khấu hao trong năm	(20.435.716.443)	(12.939.211.111)	(164.986.368)	(12.218.184)	(100.214.004)	(33.652.346.110)
<b>31/12/2023</b>	<b>(319.988.422.119)</b>	<b>(193.850.015.945)</b>	<b>(2.859.694.807)</b>	<b>(77.909.095)</b>	<b>(108.565.171)</b>	<b>(516.884.607.137)</b>

**HAO MÓN LŨY KẾ**

01/01/2023	223.221.886.160	14.673.930.119	439.963.613	52.945.453	492.718.833	238.881.444.178
31/12/2023	214.013.056.746	1.904.539.920	274.977.245	40.727.269	392.504.829	216.625.806.009

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

01/01/2023	223.221.886.160	14.673.930.119	439.963.613	52.945.453	492.718.833	238.881.444.178
31/12/2023	214.013.056.746	1.904.539.920	274.977.245	40.727.269	392.504.829	216.625.806.009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 193.684.682.551 đồng tại ngày 01/01/2023 là 90.533.503.998 VND

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.186.000	-	29.996.000	-
Công cụ, dụng cụ	7.176.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.362.000</b>	<b>-</b>	<b>29.996.000</b>	<b>-</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.067.680.954</b>	<b>12.067.680.954</b>	<b>4.954.318.767</b>	<b>4.954.318.767</b>
- Công ty Cổ phần thiết bị Công nghiệp Miền Bắc	1.533.600.000	1.533.600.000	299.072.550	299.072.550
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Á Châu	905.269.200	905.269.200	385.077.000	385.077.000
- Công ty TNHH Công Nghệ Khánh Điền	897.048.000	897.048.000	-	-
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Gia Khánh	893.357.754	893.357.754	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Việt Nam	532.979.018	532.979.018	667.891.000	667.891.000
- Công ty TNHH Đại Minh Thịnh	916.726.250	916.726.250	666.710.000	666.710.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Trường An	540.405.201	540.405.201	652.048.327	652.048.327
- Công ty TNHH Thiết bị và Kỹ thuật điện VK	-	-	579.924.450	579.924.450
- Các nhà cung cấp khác	5.848.295.531	5.848.295.531	1.703.595.440	1.703.595.440
<b>Cộng</b>	<b>12.067.680.954</b>	<b>12.067.680.954</b>	<b>4.954.318.767</b>	<b>4.954.318.767</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.567.439.078	11.790.372.167	13.238.037.079	119.774.166				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.439.859.749	13.502.502.051	11.297.330.456	11.645.031.344				
- Thuế thu nhập cá nhân	397.118.993	501.627.700	635.985.297	262.761.396				
- Thuế tài nguyên	728.660.441	14.069.049.912	14.020.479.683	777.230.670				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	795.796	1.222.606	1.920.218	98.184				
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-				
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	8.293.657	1.845.295.000	1.845.295.000	8.293.657				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	72.185.273	24.009.322	54.064.014	42.130.581				
	<b>12.214.352.987</b>	<b>41.737.078.758</b>	<b>41.096.111.747</b>	<b>12.855.319.998</b>				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.040.127.941</b>	<b>407.407.408</b>
- Chi phí sửa chữa nhà máy Nậm Mu	657.116.942	37.037.037
- Chi phí sửa chữa nhà máy Nậm Ngần	1.251.102.887	334.259.259
- Chi phí sửa chữa nhà máy Nậm An	131.908.112	36.111.112
<b>Cộng</b>	<b>2.040.127.941</b>	<b>407.407.408</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.552.458.147</b>	<b>2.433.810.179</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>366.000.000</b>	<b>595.818.100</b>
- Thù lao HĐQT, BKS	366.000.000	595.818.100
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.186.458.147</b>	<b>1.837.992.079</b>
- Kinh phí công đoàn	204.243.679	166.492.679
- Cổ tức phải trả	434.025.945	381.369.525
- Quỹ bảo vệ môi trường - tỉnh Hà Giang	1.400.353.668	1.165.871.268
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	147.834.855	124.258.607
<b>Cộng</b>	<b>2.552.458.147</b>	<b>2.433.810.179</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2022</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>44.315.289.385</b>	<b>32.678.666</b>	<b>53.299.801.024</b>	<b>307.177.989.075</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	56.916.795.553	56.916.795.553
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(50.287.939.633)	(50.287.939.633)
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	(4.088.159.633)	(4.088.159.633)
+ <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(46.199.780.000)	(46.199.780.000)
<b>31/12/2022</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>44.315.289.385</b>	<b>32.678.666</b>	<b>59.928.656.944</b>	<b>313.806.844.995</b>
<b>01/01/2023</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>44.315.289.385</b>	<b>32.678.666</b>	<b>59.928.656.944</b>	<b>313.806.844.995</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	53.152.126.568	53.152.126.568
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(54.953.103.644)	(54.953.103.644)
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	(4.553.343.644)	(4.553.343.644)
+ <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(50.399.760.000)	(50.399.760.000)
<b>31/12/2023</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>44.315.289.385</b>	<b>32.678.666</b>	<b>58.127.679.868</b>	<b>312.005.867.919</b>

(\*) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu số 08/NQ-DHĐCD ngày 28/04/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
- Các cổ đông khác	102.899.000.000	102.899.000.000
<b>Cộng</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>209.999.000.000</b>

**16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	209.999.000.000	209.999.000.000
+ Vốn góp cuối năm	209.999.000.000	209.999.000.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>50.399.760.000</b>	<b>50.287.939.633</b>

**16.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.999.900	20.999.900
+ Cổ phiếu phổ thông	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.999.900	20.999.900
+ Cổ phiếu phổ thông	20.999.900	20.999.900
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>158.624.640.569</b>	<b>177.266.321.776</b>
- Doanh thu bán điện thành phẩm	158.624.640.569	177.266.321.776
<b>Cộng</b>	<b>158.624.640.569</b>	<b>177.266.321.776</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn của điện thành phẩm đã bán	84.678.213.895	98.600.177.433
<b>Cộng</b>	<b>84.678.213.895</b>	<b>98.600.177.433</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.455.350.340	521.609.948
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	12.116.750
<b>Cộng</b>	<b>1.455.350.340</b>	<b>533.726.698</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	92.140.000	-
<b>Cộng</b>	<b>92.140.000</b>	<b>-</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>8.342.088.374</b>	<b>7.732.065.290</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.829.099.065	5.130.400.664
- Chi phí vật liệu quản lý	537.466.384	509.320.930
- Chi phí đồ dùng văn phòng	96.761.000	123.070.030
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	177.204.552	173.131.824
- Thuế, phí và lệ phí	105.947.209	76.957.254
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.792.422	701.750.162
- Chi phí bằng tiền khác	1.430.817.742	1.017.434.426
<b>Cộng</b>	<b>8.342.088.374</b>	<b>7.732.065.290</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Các khoản khác	7.578.157	10.165.604
<b>Cộng</b>	<b>7.578.157</b>	<b>10.165.604</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Các khoản tiền phạt	24.009.322	252.987.131
- Các khoản khác	296.488.856	-
<b>Cộng</b>	<b>320.498.178</b>	<b>252.987.131</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	12.623.389.330	11.566.713.241
- Chi phí nhân công	22.958.873.635	21.614.731.016
- Khấu hao tài sản cố định	33.552.132.106	38.049.619.276
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.990.244.326	31.169.652.193
- Chi phí bằng tiền khác	8.895.662.872	3.931.526.887
<b>Cộng</b>	<b>93.020.302.269</b>	<b>106.332.242.613</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>66.654.628.619</b>	<b>71.224.984.224</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>28.509.322</b>	<b>57.024.131</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	28.509.322	315.959.131
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(258.935.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>66.683.137.941</b>	<b>71.282.008.355</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>13.336.627.588</b>	<b>14.256.401.671</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</b>	<b>165.874.463</b>	<b>51.787.000</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>13.502.502.051</b>	<b>14.308.188.671</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Tên Công ty               | Mối quan hệ |
| - Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | Công ty mẹ  |

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
+ Trả cổ tức	25.704.000.000	23.562.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**


Năm nay		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng
<b>HDQT và Ban Giám đốc</b>					
- Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch HDQT	-	35.000.000	132.000.000	167.000.000
- Ông Bùi Trọng Cẩn	Thành viên HDQT/ Giám đốc	482.287.850	30.500.000	90.000.000	602.787.850
- Ông Nguyễn Viết Kỳ	Thành viên HDQT	-	25.000.000	90.000.000	115.000.000
- Bà Trần Thị Len	Thành viên HDQT	-	25.000.000	90.000.000	115.000.000
- Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên HDQT	-	25.000.000	90.000.000	115.000.000
- Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó Giám đốc	395.539.900	14.000.000	-	409.539.900
<b>Ban Kiểm soát</b>					
- Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng ban	288.577.667	21.000.000	-	309.577.667
- Bà Trần Thị Chung	Thành viên	-	16.000.000	66.000.000	82.000.000
- Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Thành viên	-	16.000.000	66.000.000	82.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.166.405.417</b>	<b>207.500.000</b>	<b>624.000.000</b>	<b>1.997.905.417</b>
Năm trước		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng
<b>HDQT và Ban Giám đốc</b>					
- Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch HDQT	-	15.000.000	120.000.000	135.000.000
- Ông Bùi Trọng Cẩn	Thành viên HDQT/ Giám đốc	473.791.000	14.000.000	84.000.000	571.791.000
- Ông Nguyễn Viết Kỳ	Thành viên HDQT	-	10.000.000	84.000.000	94.000.000
- Bà Trần Thị Len	Thành viên HDQT	-	10.000.000	84.000.000	94.000.000
- Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên HDQT	-	10.000.000	84.000.000	94.000.000
- Ông Vũ Ngọc Toàn	Phó Giám đốc	391.311.000	9.000.000	-	400.311.000
<b>Ban Kiểm soát</b>					
- Bà Trần Ngọc Anh	Trưởng ban	292.010.000	14.000.000	-	306.010.000
- Bà Trần Thị Chung	Thành viên	-	8.000.000	60.000.000	68.000.000
- Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Thành viên	-	8.000.000	60.000.000	68.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.157.112.000</b>	<b>98.000.000</b>	<b>576.000.000</b>	<b>1.831.112.000</b>

**27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đã được kiểm toán.

Hà Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

  
Trần Xuân Du

Kế toán trưởng

  
Trần Xuân Du

Giám đốc

  
  
Bùi Trọng Cẩn